

# BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT THU HỒI

Dự án: Đường nối QL.37-QL.17-Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang.

Tuyến nhánh: Cải tạo, nâng cấp ĐT.294 đoạn từ ngã ba Tân Sỏi huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên tại xã Tân Trung- đợt 13

Địa điểm: thôn Giữa, thôn Ngoài, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

( Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ- UBND ngày ...../02/2023 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ sử dụng	Thông tin thửa đất theo bản đồ Địa chính			Thông tin thửa đất theo bản đồ trích đo, QĐ 494			Thông tin thửa đất theo HSĐC, GCN			Loại đất	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )		Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Diện tích thu hồi DA (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi đất ở-ONT (m <sup>2</sup> )	
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>18</b>
1	Nguyễn Đình Nam	Thôn Giữa	28	118	809,2	28	118	745,1	28	118	746,9	ONT (ONT+vườn)	0,9	0,9	QĐ: 2368 ngày 12/11/2014 SVS: CH 00507
2	Ngô Văn Tiến Hà Thị Thanh	Thôn Ngoài	27	15	287,7	27	15	224,2		1	141	ONT	49,2	49,2	QĐ: 58 ngày 28/12/2000 SVS: 03248
	<b>Tổng</b>	-	-	-	<b>1096,9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>969,3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>887,9</b>	<b>0</b>	<b>50,1</b>	<b>50,1</b>	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TẠI XÃ TÂN TRUNG**  
**DỰ ÁN: ĐƯỜNG NỐI QL 37-17-VỖ NHAI (THÁI NGUYÊN). TUYẾN NHÁNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐT.294 ĐOẠN TỪ NGÃ BA TÂN SỎI, HUYỆN**  
**YÊN THẾ ĐẾN XÃ PHÚC SƠN, HUYỆN TÂN YÊN, TẠI XÃ TÂN TRUNG, HUYỆN TÂN YÊN- ĐỢT 13**

**Địa điểm: thôn Giữa, thôn Ngoài, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

*( Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ- UBND ngày ...../02/2023 của UBND huyện Tân Yên)*

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ (Thôn)	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Loại đất	Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân		Tổng phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đồng)	Ghi chú
						Đất ở (m2)	Đất CLN (đất vườn) (m2)		Bồi thường về đất ở 8.000.000đ/m2	Bồi thường về đất CLN ( đất vườn) trong cùng thửa đất ở 4.000.000đ/m2		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8.000.000x7	11=4.000.000x8	12=10+11	13
1	Nguyễn Đình Nam	Thôn Giữa	28	118	745,1	0,9	0	ONT (ONT+vườn)	7.200.000	-	7.200.000	
2	Ngô Văn Tiến Hà Thị Thanh	Thôn Ngoài	27	15	224,2	49,2	0	ONT	393.600.000	-	393.600.000	
<b>Tổng</b>		-	-	-	<b>969,3</b>	<b>50,1</b>	-	-	<b>400.800.000</b>	-	<b>400.800.000</b>	-

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TẠI XÃ TÂN TRUNG**

**DỰ ÁN: ĐƯỜNG NỐI QL 37-17-VÕ NHAI (THÁI NGUYÊN). TUYẾN NHÁNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐT.294 ĐOẠN TỪ NGÃ BA TÂN SỎI, HUYỆN YÊN THẾ ĐẾN XÃ PHÚC SON, HUYỆN TÂN YÊN, TẠI XÃ TÂN TRUNG, HUYỆN TÂN YÊN- ĐỢT 13**

**Địa điểm: thôn Giữa, thôn Ngoài, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ- UBND ngày ...../02/2023 của UBND huyện Tân Yên)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích thu hồi	Loại tài sản, cây trồng được bồi thường, hỗ trợ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Ngô Văn Tiến Hà Thị Thanh	Thôn Ngoài	27	15	224,1	ONT	49,2	Nhà ở cấp IV loại 1 ( độc lập, không có công trình phụ, 1 tầng mái ngói). Dài 11,5m, rộng (3,6; 7.9)	đ/m <sup>2</sup> XD	66,13	3.090.000	100%	204.326.250	229.271.810
								Mái tôn vì kèo sắt hộp, cột sắt tròn, dài 11,5 m, rộng 2,35 m,	đ/m <sup>2</sup>	27,03	350.000	100%	9.458.750	
								Ki ốt loại B, cao > 2,0m dài 7,7m, rộng 1,84m	đ/m <sup>2</sup> XD	14,17	480.000	100%	6.800.640	
								Kính cường lực màu trắng dày 10 mm, dài 3,4m, cao 2,7m	đ/m <sup>2</sup>	9,18	607.000	100%	5.572.260	
								Kính cường lực màu trắng dày 10 mm, dài 1,9m, cao 2,7m	đ/m <sup>2</sup>	5,13	607.000	100%	3.113.910	
2	Nguyễn Đình Nam	Thôn Giữa	28	118	809,2	ONT (ONT+ vườn)	0,9	Cây Nhân, tán 3m ≤ F < 4m	đ/cây	1	758.000	100%	758.000	3.486.000
								Cây Nhân, tán 4m ≤ F < 5m	đ/cây	2	1.364.000	100%	2.728.000	
<b>Tổng</b>		-	-	-	<b>1.033,3</b>	-	<b>50,1</b>	-	-	-	-	-	<b>232.757.810</b>	<b>232.757.810</b>

Căn cứ theo công văn số 2656/SNN-KHTC ngày 31/12/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ theo công văn số 46/SXD-KT&VLXD ngày 06/01/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá bồi thường tài sản là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ theo công văn số 01/CBGVLXD-LS ngày 10/01/2022 của Liên Sở Xây dựng- Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc công bố giá các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ ngày 10/01/2022

Căn cứ theo Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Đường nối QL.37-QL.17-Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang.

Ghi chú:

Mức hỗ trợ 100 %: Đối với đất thu hồi là đất ở: Tài sản hình thành trên đất là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất

Đối với đất thu hồi là đất CLN: Tài sản hình thành trên đất là cây trồng, vật nuôi.





**PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT TẠI X TÂN TRUNG**

**DỰ ÁN: ĐƯỜNG NỐI QL 37-17-VÕ NHAI (THÁI NGUYÊN). TUYẾN NHÁNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐT.294 ĐOẠN TỪ NGÃ BA TÂN SỎI, HUYỆN YÊN THẾ ĐẾN XÃ PHÚC SON, HUYỆN TÂN YÊN, TẠI XÃ TÂN TRUNG, HUYỆN TÂN YÊN- ĐỢT 13**

**Địa điểm: thôn Trong, thôn Giữa, thôn Ngoài, thôn Tân Lập, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

*( Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ- UBND ngày ...../02/2023 của UBND huyện Tân Yên)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)	Loại tài sản, cây trồng được bồi thường, hỗ trợ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Ngô Văn Tiến Hà Thị Thanh	Thôn Ngoài	27	15	224,1	ONT	49,2	Kiốt loại C, dài 11,5m, rộng 7,1m	đ/m <sup>2</sup> XD	81,65	220.000	50%	8.981.500	18.982.100
								Khối bê tông mác 200, dài 19,0m, rộng 2,4m, dày 0,1m	đ/m <sup>3</sup>	4,56	1.920.000	50%	4.377.600	
								Ki ốt loại B, cao > 2,0m dài 7,7m, rộng 1,0m	đ/m <sup>2</sup> XD	7,70	480.000	50%	1.848.000	
								Bể nước có tấm đan bê tông, thành 110 trát vữa xi măng 2 mặt, dài 11,5 m, rộng 0,4m, cao 0,5m	đ/m <sup>3</sup>	2,30	1.780.000	50%	2.047.000	
								Khối xây gạch chi dày ≥ 330mm, (2 khối xây gạch chi kích thước 60x60cm, cao 4,0m)	đ/m <sup>3</sup>	2,88	1.200.000	50%	1.728.000	
2	Nguyễn Đình Nam	Thôn Giữa	28	118	809,2	ONT	0,9	Khối bê tông mác 200, dài 13.2m, rộng 3.3m, dày 0.15m	đ/m <sup>3</sup>	6,53	1.920.000	50%	6.272.640	24.557.140
								Tường rào xây cay xi dày 100mm, bổ trụ. Dài 20,0 m, cao 3,2m.	đ/m <sup>2</sup>	64,00	150.000	50%	4.800.000	
								Ki ốt loại C, dài 12,0 m, rộng 3m	đ/m <sup>2</sup> XD	36,00	220.000	50%	3.960.000	
								Cổng sắt: Khung làm bằng (ống kẽm, sắt góc, sắt hộp,...) phần dưới bịt tôn, phần trên chấn song bằng sắt hình, sắt tròn, hoa sắt, sơn màu, Cao 2,5m, rộng 4m	đ/m <sup>2</sup>	10,00	960.000	50%	4.800.000	
								Cây đu đủ, cây trồng từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	đ/cây	2	57.500	50%	57.500	
								Chuối ăn quả, trồng từ 6 tháng đến khi có quả (khóm có từ 2 cây trở lên)	đ/khóm	3	53.000	50%	79.500	
								Khối bê tông cốt thép mác 200 (Tấm đan bê tông: dài 25,0 m, rộng 1m, dày 0,1m)	đ/m <sup>3</sup>	2,50	3.670.000	50%	4.587.500	
1	Nguyễn Thị Hồng	Thôn Giữa	28	71+72	93.9+ 101.3	ONT	0	Khối bê tông mác 200, dài 10,5m, rộng 4,5m, dày 0.1m	đ/m <sup>3</sup>	4,73	1.920.000	50%	4.536.000	17.889.500
								Mái tôn vì kèo sắt hộp, cột sắt tròn, dài 12,5m, rộng 5,0m	đ/m <sup>2</sup>	62,50	350.000	50%	10.937.500	
								Khối bê tông cốt thép mác 200 (Tấm đan bê tông: dài 11,0 m, rộng 1m, dày 0,1m)	đ/m <sup>3</sup>	1,10	3.670.000	50%	2.018.500	



							Cây Nhãn, tán từ $3 \leq F < 4m$	đ/cây	1	758.000	50%	379.000		
							Cây Xạ Đen, cây trồng từ trên 2 năm, ĐK gốc BQ >2 cm	đ/cây	1	54.000	50%	27.000		
							Sân lát gạch là nem, dài 4,5m, rộng 1,7m.	đ/m <sup>2</sup>	7,65	130.000	50%	497.250		
							Hàng rào làm bằng sắt hình các loại, sắt tròn ( từ $\Theta 10 \div \Theta 14$ ) có điểm hoa sắt, sơn chống gỉ, (dài 1,9m, cao 2,3m),	đ/m <sup>2</sup>	4,37	430.000	50%	939.550		
							Cổng sắt: Khung làm bằng (ống kẽm, sắt góc, sắt hộp,...) phần dưới bịt tôn, phần trên chân song bằng sắt hình, sắt tròn, hoa sắt, sơn màu, dài 2,3m, cao 2,1m,	đ/m <sup>2</sup>	4,83	960.000	50%	2.318.400		
							Khối bê tông cốt thép mác 200 (Tấm đan bê tông: dài 20,0 m, rộng 1m, dày 0,1m)	đ/m <sup>3</sup>	2,0	3.670.000	50%	3.670.000		
							Khung lưới sắt B40 làm rào chắn, dài 1,7m, cao 1,5m,	đ/m <sup>2</sup>	2,55	200.000	50%	255.000		
							<b>Tổng</b>							
							-	-	-	-	-	-	<b>95.011.760</b>	<b>95.011.760</b>

Căn cứ theo công văn số 2656/SNN-KHTC ngày 31/12/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ theo công văn số 46/SXD-KT&VLXD ngày 06/01/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá bồi thường tài sản là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ theo công văn số 01/CBGVLXD-LS ngày 10/01/2022 của Liên Sở Xây dựng- Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc công bố giá các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ ngày 10/01/2022

Căn cứ theo Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Đường nối QL.37-QL.17-Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang.

Ghi chú: Mức hỗ trợ 50%: Đối với tài sản hình thành trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất.